

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2022
“V/v Ly hôn và yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn và yêu cầu nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh Lê Văn Đ, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Lê Văn Đ quen biết tự nguyện tìm hiểu và quyết định kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn, chị Nh và anh Đ sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh thường xuyên cự cãi và đánh chị Nh, từ đó nên bất đồng quan điểm, cuộc sống không có hạnh phúc, hiện nay anh Đ đã bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị Nh xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân lại được vì chị Nh anh Đ không còn quan tâm chăm sóc với nhau nữa, chị không còn tình cảm với anh Đ nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị Nh anh Đ có hai người con chung là cháu Lê Thị Kim Tr, sinh ngày 18/6/2011 và cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 19/5/2017, hiện nay cháu Tr đang sống với anh Đ, cháu T đang sống với chị Nh,

khi ly hôn chị Nh xin được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Tr cho anh Đ nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Nh xác định không có và không có yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Đ không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Lê Văn Đ;

Về con chung, Giao cháu Lê Thị Kim Tr, sinh ngày 18/6/2011 cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 19/5/2017 cho chị Nh nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị Nh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp Phước Hòa, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ và yêu cầu nuôi con. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ “*Ly hôn và yêu cầu nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn anh Lê Văn Đ Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết hợp lệ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2010, việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý, có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 52 ngày 24/5/2010 của ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên

Giang, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Nh xin được ly hôn với anh Lê Văn Đ với lý do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Đ thường hay cự cãi và đánh chị Nh. Trong quá trình giải quyết vụ án đối với bị đơn là anh Đ Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ, qua lời trình bày tại phiên tòa và các lời khai của chị Nh có trong hồ sơ thể hiện: Vợ chồng anh chị không còn liên lạc và cũng không gặp nhau từ năm 2019 đến nay, chị Nh không còn yêu thương quan tâm đến anh Đ nữa, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2019 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, chị Nh không còn tình cảm với anh Đ nên chị Nh kiên quyết ly hôn với anh Đ, qua xác nhận của chính quyền địa phương anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Như vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sự mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Lê Văn Đ là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Nh anh Đ có hai người con chung là cháu Lê Thị Kim Tr, sinh ngày 18/6/2011 và cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 19/5/2017, từ khi ly thân cháu Tr đang sống với anh Đ, cháu T đang sống với chị Nh, chị Nh xin được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Tr cho anh Đ nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nh HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu T do chị Nh nuôi dưỡng, hiện nay cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, mặc khác hiện nay cháu T còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ. Do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, cần giao cháu cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Xét thấy hiện nay cháu Tr do anh Đ nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng sống với anh Đ, Do đó Hội đồng xét xử tôn trọng theo nguyện vọng của cháu Tr theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX giao cháu Lê Thị Kim Tr cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000đ buộc chị Trần Thị Nh phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Nh về việc xin ly hôn với anh Lê Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Nh ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kim Tr, sinh ngày 18/6/2011 cho anh Lê Văn Đ chăm sóc, giáo dục, giao cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 19/5/2017 cho chị Trần Thị Nh chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Nh anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Nh nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006688, ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Phước A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh